

Ngữ văn 10: Phân tích bài thứ 7, 8 trong Thơ hai-cư của Ba-sô

Phân tích bài thứ 7 trong Thơ hai-cư của Ba-sô

Văng lặng u trầm

Thâm sâu vào đá

Tiếng ve ngâm

Bài Hai-cư trên của Ba-sô mượn âm thanh mạnh và sắc vủa ve để thể hiện niềm cô tịch vô ngã của thiên nhiên. Đá núi như mềm ra, trở nên vô ngại, và cùng với tiếng ve, ta bước vào cảnh giới của sự ngại, nơi mọi sự vật dụng chưa lẫn nhau tiếng ve vẫn cứ là tiếng ve và đá vẫn cứ là đá, nơi trái tim ta đi vào mọi vật mà vẫn là trái tim của riêng ta với nhịp đập mỗi ngày của nó.

Đá ở đây không còn là vật thể vô tri hữu hình mà đá cũng trở nên có hồn, biết giao hòa với vạn vật xung quanh. Tiếng ve không chỉ là hoạt động sống của một sinh vật bé nhỏ mà nó cũng đòi giao cảm. Sự giao cảm giữa một sinh vật bé nhỏ và một thực thể vô tri ấy tạo ra sự cảm nhận mới khác lạ về thế giới, ở đó mọi cái đều được quyền tồn tại và đang tồn tại theo cách riêng của nó để góp cho đời các hương sắc của riêng mình. Đá trở nên có hồn nên nó tiếp nhận được tình cảm trong tiếng ve. Tiếng ve cũng trở nên có tình khiến đá cũng mê say. Sự giao cảm tương liên của vạn vật thật sinh động và đáng yêu. Quý ngữ ở bài này là "tiếng ve" chỉ mùa hè.

Phân tích bài thứ 8 trong Thơ hai-cư của Ba-sô

Nằm bệnh giữa cuộc lãng du

Mộng hồn còn phiêu bạt

Những cánh đồng hoang vu

Đối với thi nhân, lãng du là thú vui và sở thích đặc biệt. từ các cuộc lãng du, họ tìm đến với cái đẹp, đến với thiên nhiên, niềm vui của tâm hồn, để qua đó hiểu sâu hơn về bản chất của cuộc sống. Bài thơ này ghi lại những thời khắc cuối cùng của tác giả, được viết vào ngày 8 tháng 10 năm Nguyên Lộc (tức năm 1694) ở Ô-sa-ka. Tác giả cảm nhận được những thời khắc định mệnh ấy, song vẫn có niềm tin là cuộc đời của ông vẫn kéo dài bởi linh hồn bất tử. Linh hồn ấy sẽ thay ông tiếp tục cuộc lãng du trên hành trình đi tìm cái đẹp. Khát vọng đi tìm cái đẹp cũng chính là khát vọng hướng tới tự do. Ông quên đi cái thân xác bệnh tật của mình để hướng về các cuộc ngoạn du của tâm hồn đang trải rộng trên cánh đồng khô. Quý ngữ của bài thơ là "cánh đồng hoang vu: chỉ mùa đông.

Tóm lại: thơ hai-cư nhất là thơ hai-cư của Ba-sô là một thể thơ độc đáo có giá trị nội dung và nghệ thuật cao, là thành tựu tiêu biểu của thơ ca Nhật Bản thể hiện đặc trưng triết lý và nghệ thuật phương Đông.

Thơ hai-cư thường chỉ chấm phá, gợi mà không tả một cảnh sự vật, sự việc cụ thể trong một thời gian nhất định, thời điểm mà nhà thơ bừng ngộ một chân lý giản dị, sâu xa về con người và vạn vật trong cái nhìn "chân như" cái nhìn nhất thể hóa. Sự tương giao các giác quan gợi mở cho độc giả về cá quy luật lớn lao và bí ẩn của tự nhiên. Thơ hai-cư để dành cho khoảng không cho tưởng tượng, cảm nghĩ suy tưởng của độc giả tiếp tục làm đầy, giống như tranh thủy mặc với những khoảng "đư bạch" (lựa để trắng không vẽ).

Thơ hai-cư, cảnh hiện ra, con người bừng ngộ "thấy, biết" bản chất chân như của sự tồn tại. Thơ hai-cư ít dùng các tự mỹ miều, cũng rất ít từ dùng tính từ, trạng từ. chim đỗ quyên hót chỉ là tiếng chim đỗ quyên, không hót giọng tiếc xuân, nhớ nước. Nhà thơ thấy chú khỉ co ro cũng mong có chiếc ao to dưới trời đầy mưa chứ không phải nhân hóa chú khỉ, hay sử dụng chú khỉ như một ước lệ, tượng trưng. Không so sánh tiếng vượn giống như tiếng đứa trẻ mà là nhà thơ đang đi giữa núi rừng hoang vắng, nghe tiếng kêu, không biết đó là tiếng vượn hú hay tiếng đứa trẻ bị bỏ rơi đang than khóc (tiếng vượn tống thơ Ba-sô khác tiếng vượn kêu thương (Viên khiêu ai) trong thơ Đỗ Phủ).

Xem các bài tiếp theo tại: <https://vndoc.com/hoc-tot-ngu-van-lop-10>